

Bản án số: 526/2021/HNGĐ-ST
Ngày 07 - 7 - 2021
“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Huy Huệ
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Dương Hiệp Hưng
2. Bà Trần Thị Bích Hợp
- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Trần Thị Thoa - Thư ký Tòa án nhân dân TP. Quy Nhơn.
- Đại diện VKSND Tp. Quy Nhơn tham gia phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Thuận - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn - tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 197/2021/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2021 về “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 93/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/5/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Thu C, sinh năm: 1975
Địa chỉ: Phòng 10.08, lầu B, Chung cư T, phường T, thành phố QN, tỉnh BD.
- Bị đơn: Anh Võ Xuân D, sinh năm: 1973
Địa chỉ: 80 đường X, phường P, thành phố QN, tỉnh BD.
(Chị C có đơn xin xét xử vắng mặt, anh D vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện đề ngày 08/3/2021 và các lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu C trình bày:**

Chị và anh Võ Xuân D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường K, thành phố QN vào ngày 13/11/2001. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung với ba mẹ anh D. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2005 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh D ăn chơi, không quan tâm đến gia đình, không có trách nhiệm trong việc đóng góp và nuôi dạy con chung, lấy tiền tiết kiệm của gia đình tiêu xài phung phí. Tuy nhiên, do các con còn nhỏ, lại sống chung

với cha mẹ chồng nên chị cố gắng nhẫn nhịn. Chị nhiều lần khuyên can nhưng anh D không nghe. Chị nhờ cha mẹ chồng can thiệp nhưng cũng không có kết quả. Đến tháng 5/2020 chị và các con quyết định mua nhà và chuyển ra ở riêng nhằm cải thiện mối quan hệ vợ chồng nhưng không có kết quả. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Vì vậy, chị yêu cầu Tòa giải quyết cho chị được ly hôn với anh D.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Võ Xuân N1, sinh ngày 16/3/2003 và Võ Xuân N2, sinh ngày 08/9/2007. Hiện nay các cháu đang sống với chị, sức khỏe tốt. Ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N2, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung. Riêng cháu N1 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa giải quyết.

*** Bị đơn anh Võ Xuân D:**

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Diệu đã được tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không đến Tòa để khai báo, hòa giải. Tại phiên tòa hôm nay, anh D cũng vắng mặt không lý do.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của BLTTDS kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ được quy định tại các Điều 70, Điều 72 BLTTDS. Về việc giải quyết vụ án, Kiểm sát viên đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82 Luật HNGĐ 2014: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu C được ly hôn anh Võ Xuân D; Giao cháu Võ Xuân N2 cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng, chị C không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết. Án phí chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh Võ Xuân D vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án (điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự).

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu C và anh Võ Xuân D tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND phường K, thành phố QN, tỉnh BĐ vào ngày 13/11/2001, đây là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, giữa chị C và anh D đã phát sinh mâu thuẫn. Theo chị C, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh D sống không có trách nhiệm với gia đình. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh D không đến Tòa để khai báo, hòa giải. Điều này chứng tỏ anh D không có thiện chí muốn hòa hợp. Đây cũng là trường hợp bị đơn cố tình lẩn tránh, gây khó khăn cho Tòa án trong quá

trình giải quyết vụ án. HĐXX xét: Hôn nhân của chị C, anh D đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, HĐXX chấp nhận đơn khởi kiện của chị C là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

[2.2] Về nuôi con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng có 02 con chung là cháu Võ Xuân N1, sinh ngày 16/3/2003 và Võ Xuân N2, sinh ngày 08/9/2007. HĐXX xét: Cháu N1 hiện nay đã trưởng thành, tự lập nên HĐXX không xem xét giải quyết. Cháu N2 hiện đang sống với chị C và được đảm bảo tốt về mọi mặt. Hơn nữa, cháu N2 cũng có nguyện vọng ở với mẹ. Vì vậy, căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của chị C giao cháu N2 cho chị C trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Chị C không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[2.3] Về chia tài sản: Chị C không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết. Sau này có tranh chấp sẽ giải quyết bằng một vụ kiện khác nếu có yêu cầu.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Chị C phải chịu 300.000đ án phí HNGĐ sơ thẩm.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của HĐXX.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Thu C ly hôn anh Võ Xuân D.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung là cháu Võ Xuân N2, sinh ngày 08/9/2007 cho chị Nguyễn Thị Thu C được trực tiếp nuôi dưỡng.

Riêng cháu Võ Xuân N1, sinh ngày 16/3/2003 đã trưởng thành, tự lập nên HĐXX không xem xét giải quyết.

2.2. Chị Nguyễn Thị Thu C không yêu cầu anh Võ Xuân D cấp dưỡng nuôi con chung nên HĐXX không xem xét giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được ngăn cản. Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con khi cần thiết hai bên đều có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về chia tài sản: Chị C không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Thu C phải chịu 300.000đ án phí HNGĐ sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003586 ngày 26/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự TP. Quy Nhơn. Chị C đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND Tp. Quy Nhơn;
- Chi cục THADS Tp. QN;
- UBND P. K, TP. QN (ĐKKH số 39 ngày 13/11/2001);
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phạm Thị Huy Huệ

